

**BỘ QUỐC PHÒNG****BỘ QUỐC PHÒNG**

Số: 38/2005/QĐ-BQP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG****Về việc ban hành Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng****BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996, đã sửa đổi, bổ sung một số điều ngày 16 tháng 12 năm 2002;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương;*

*Căn cứ Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ về quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ;*

*Xét đề nghị của đồng chí Tổng Tham mưu trưởng,*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành “Quy chế giao ban,

báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng”.

**Điều 2.** Giao Bộ Tổng Tham mưu chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong và ngoài quân đội hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Quy chế này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm các Tổng cục, Tư lệnh các Quân khu, Quân chủng, Binh chủng phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và chỉ huy các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG****Đại tướng Phạm Văn Trà**

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY CHẾ**

**GIAO BAN, BÁO CÁO, KIỂM TRA, SƠ KẾT, TỔNG KẾT  
CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DÂN QUÂN TỰ VỆ, GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 38/2005/QĐ-BQP ngày 06 tháng 4  
năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng).*

*Chương I*

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ (DQTV), giáo dục quốc phòng (GDQP) ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các Tổng công ty được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội (sau đây gọi chung là công tác quốc phòng ở Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức); các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; các quân khu, quân chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là UBND tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND xã).

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Người đứng đầu các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức; Tư lệnh các quân khu, quân chủng, bộ đội Biên phòng và Chủ tịch UBND các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền.

2. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ chủ trì và duy trì chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP đối với các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức.

3. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự ở các bộ, ngành, cơ quan tổ chức có trách nhiệm giúp người đứng đầu bộ, ngành, cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

4. Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là tỉnh đội trưởng), Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện đội trưởng), Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn thuộc huyện (sau đây gọi chung là xã đội trưởng) có trách nhiệm giúp Chủ tịch



UBND cùng cấp duy trì thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP hàng năm và từng thời kỳ theo đúng Quy chế này.

5. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục khác thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm giúp Bộ Quốc phòng thực hiện quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

6. Cơ quan Thường trực công tác quốc phòng bộ, ngành, cơ quan tổ chức, địa phương của Bộ quốc phòng (gọi tắt là cơ quan Thường trực công tác quốc phòng) do Cục DQTV đảm nhiệm, có trách nhiệm giúp Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng theo dõi, tổng hợp, hướng dẫn thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP trong phạm vi toàn quốc.

## Chương II

### CHẾ ĐỘ GIAO BAN

#### Điều 3. Quy định chế độ giao ban

1. Giao ban công tác quốc phòng, DQTV, GDQP được thực hiện ở các cấp thuộc các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, các quân khu, quân chủng, Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng và các địa phương.

2. Việc tổ chức giao ban công tác quốc phòng, DQTV, GDQP do thủ trưởng đơn vị, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự

ở các cơ quan, tổ chức, địa phương chủ trì.

#### 3. Chế độ giao ban gồm:

a) Giao ban thường xuyên hàng tuần, hàng tháng, hàng quý.

b) Giao ban đột xuất khi có yêu cầu nhiệm vụ đột xuất hoặc được bổ sung nhiệm vụ mới.

#### Điều 4. Tổ chức giao ban ở các cấp

##### 1. Giao ban của Bộ Quốc phòng

a) Bộ Quốc phòng chủ trì giúp Chính phủ giao ban mỗi quý một lần.

b) Thành phần:

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và các cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm công tác quốc phòng ở bộ, ngành, cơ quan, tổ chức;

Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục II; Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân, Bộ Tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng; Bộ Tư lệnh Quân khu Thủ đô, Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hà Nội và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan.

##### 2. Giao ban của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức chủ trì giao ban mỗi quý một lần.

b) Thành phần: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới thuộc phạm vi quản lý

của ngành, lĩnh vực có liên quan; cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác quốc phòng thuộc các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức.

### 3. Giao ban cấp quân khu

a) Tư lệnh quân khu chủ trì giao ban cấp quân khu 6 tháng một lần.

b) Thành phần: Chủ tịch UBND tỉnh, tỉnh đội trưởng, Chỉ huy trưởng Biên phòng tỉnh; Thủ trưởng Bộ Tham mưu, Cục Chính trị, Cục Hậu cần, Cục Kỹ thuật; Phòng DQTV, các phòng, ban thuộc Bộ Tham mưu và các cục của quân khu có liên quan.

### 4. Giao ban của Quân chủng Hải quân

a) Tư lệnh Quân chủng Hải quân chủ trì giao ban mỗi quý một lần.

b) Thành phần: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy các Hải đoàn, Hải đội tự vệ biển; Thủ trưởng Bộ Tham mưu, Cục Chính trị, Cục Hậu cần, Cục Kỹ thuật; Phòng QSDP và các phòng, ban, đơn vị thuộc Bộ Tư lệnh quân chủng có liên quan.

5. Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng, các binh chủng, các cơ quan đơn vị, các cơ quan, đơn vị khác có liên quan duy trì thực hiện chế độ giao ban theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ của từng quân chủng, binh chủng và từng cơ quan, đơn vị.

### 6. Giao ban cấp tỉnh

a) Tỉnh đội trưởng chủ trì giao ban mỗi quý một lần

b) Thành phần: huyện đội trưởng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh đội; Thủ trưởng các Phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật; Ban DQTV, các ban thuộc tỉnh đội có liên quan; Biên phòng tỉnh và chỉ huy các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn.

c) Tỉnh đội trưởng chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban quý, 6 tháng, năm để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Tư lệnh Quân khu.

### 7. Giao ban cấp huyện

a) Huyện đội trưởng chủ trì giao ban mỗi tháng một lần.

b) Thành phần: Xã đội trưởng; Chỉ huy trưởng quân sự các cơ quan, tổ chức trực thuộc huyện đội; Trưởng các Ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần - Kỹ thuật, một số trợ lý chủ chốt thuộc huyện đội; đồn trưởng, trạm trưởng, tổ công tác của bộ đội Biên phòng và chỉ huy các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn.

c) Huyện đội trưởng chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban tháng, quý, 6 tháng, năm để báo cáo Chủ tịch UBND huyện và Tỉnh đội trưởng

### 8. Giao ban cấp xã

a) Xã đội trưởng chủ trì giao ban mỗi tuần một lần (Các xã vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo căn cứ vào điều kiện về địa lý, phương tiện giao thông... có thể tổ chức giao ban như các xã vùng đồng bằng hoặc bằng cách gửi báo cáo hoặc bằng điện).



b) Thành phần: Thôn đội trưởng, trung đội trưởng dân quân cơ động, tiểu đội trưởng dân quân thường trực; trung đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân bình chủng thuộc xã đội; đại diện các tổ, trạm, đồn Biên phòng và các đơn vị đứng chân trên địa bàn.

c) Xã đội trưởng chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban tuần, tháng, quý, 6 tháng, năm để báo cáo Chủ tịch UBND xã và Huyện đội trưởng.

## **Điều 5. Nội dung giao ban**

### **1. Nội dung giao ban chung**

a) Thông báo cập nhật tình hình liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự và công tác DQTV, GDQP.

b) Kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

c) Chỉ đạo nội dung công tác trọng tâm theo các nhiệm vụ về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

d) Giải quyết những vướng mắc và các ý kiến, kiến nghị về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP trong cuộc giao ban.

### **2. Nội dung giao ban của từng cấp**

a) Nội dung giao ban của Bộ Quốc phòng

- Quý 1: nội dung trọng tâm là chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác DQTV và công tác GDQP

+ Về DQTV: tổ chức xây dựng lực lượng; tổ chức tập huấn, đào tạo cán bộ,

huấn luyện chiến sỹ DQTV; diễn tập; chỉ đạo các hoạt động của lực lượng DQTV (tham gia giữ gìn ANTT, phòng chống thiên tai, làm công tác dân vận).

+ Về GDQP: giáo dục quốc phòng toàn dân; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng; giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên; giáo dục quốc phòng trong các trường chính trị, hành chính, đoàn thể.

+ Đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của quý 1, các nội dung khác liên quan đến nhiệm vụ của quý tiếp theo.

- Quý 2: tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh, tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ và chỉ đạo, thực hiện các kế hoạch động viên (động viên quân dự bị, động viên phương tiện nền kinh tế quốc dân, động viên công nghiệp).

Đánh giá hoàn thành nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, các nội dung công tác khác; triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm và quý 3.

- Quý 3: trọng tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc xây dựng, bổ sung, điều chỉnh và triển khai các kế hoạch phòng thủ, tác chiến trị an; kế hoạch chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến, các kế hoạch B và kế hoạch xây dựng, phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, kế hoạch phòng chống thiên tai.

Đánh giá hoàn thành nhiệm vụ quý 3, các nội dung công tác khác có liên quan và triển khai nhiệm vụ của các tháng còn lại của năm.

- Quý 4: chỉ đạo và tổ chức thực hiện



các nội dung, phương pháp về tuyên truyền công tác quốc phòng, DQTV, GDQP và giáo dục pháp luật. Tổng hợp, đánh giá chung kết quả công tác quốc phòng, DQTV, GDQP của năm; định hướng nhiệm vụ, công tác chính năm sau và triển khai công tác quý 1 năm sau.

b) Nội dung giao ban của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức

- Thực hiện theo các nội dung giao ban từng quý của Bộ Quốc phòng để nắm tình hình và tham gia giao ban của Bộ Quốc phòng.

- Tập trung đánh giá công tác làm tham mưu cho lãnh đạo Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức; kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và các đơn vị, cơ quan, tổ chức thuộc quyền theo 6 nhiệm vụ của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 4 Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ.

- Chỉ đạo nội dung công tác trọng tâm từng quý cần hoàn thành theo các mặt công tác quốc phòng, công tác tự vệ và GDQP.

c) Nội dung giao ban cấp quân khu, quân chủng

Căn cứ kế hoạch công tác hàng năm của các quân khu, quân chủng để xác định nội dung giao ban của từng quý cho phù hợp tình hình của các quân khu, quân chủng, bảo đảm chỉ đạo kịp thời công tác quốc phòng, DQTV, GDQP của các đơn vị, cơ quan, tổ chức và các địa

phương trên địa bàn quân khu, quân chủng.

d) Nội dung giao ban cấp tỉnh, cấp huyện

- Đánh giá kết quả việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tỉnh, huyện về công tác quốc phòng địa phương, DQTV, GDQP của quý, tháng trước đó theo 7 nhiệm vụ của các địa phương quy định tại Điều 5 Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ.

- Chỉ đạo nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của quý, tháng về công tác quốc phòng địa phương, DQTV, GDQP theo kế hoạch và sự chỉ đạo, hướng dẫn của người chỉ huy, cơ quan quân sự cấp trên.

e) Nội dung giao ban cấp xã

- Đánh giá kết quả việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xã và kết quả triển khai, thực hiện công tác quốc phòng, quân sự theo 9 chức năng, nhiệm vụ của xã đội quy định tại Điều 11 Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong tuần về xây dựng, quản lý lực lượng DQTV, các hoạt động của DQTV; thực hiện việc đăng ký, quản lý và động viên quân dự bị, gọi công dân nhập ngũ; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, các công tác khác theo kế hoạch và chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền xã và huyện đội.



**Điều 6. Phương pháp giao ban****1. Trước giao ban:**

a) Giao ban của Bộ Quốc phòng: Cơ quan Thường trực công tác quốc phòng của Bộ Quốc phòng giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng tổng hợp, chuẩn bị nội dung báo cáo trung tâm, chương trình giao ban, tổ chức bảo đảm phục vụ hội nghị và triệu tập thành phần giao ban.

- Chậm nhất ngày 10 tháng cuối quý 1, quý 2, quý 3, cơ quan thường trực công tác quốc phòng của Bộ Quốc phòng có công văn đề nghị Ban Chỉ huy quân sự các Bộ, ngành, cơ quan tổ chức, các quân khu, quân chủng, tỉnh đội gửi các báo cáo để tổng hợp, chuẩn bị giao ban theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

- Ngày 30 tháng 9 hàng năm, cơ quan thường trực công tác quốc phòng của Bộ Quốc phòng có công văn đề nghị Ban Chỉ huy quân sự các Bộ, ngành, cơ quan tổ chức, các quân khu, quân chủng, tỉnh đội có báo cáo đánh giá việc thực hiện Chỉ thị công tác quốc phòng, quân sự hàng năm của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, kiến nghị các định hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Bộ Quốc phòng về công tác quốc phòng, quân sự ở Bộ, ngành, cơ quan tổ chức và địa phương, đăng ký chương trình công tác quốc phòng, quân sự năm sau để cơ quan thường trực hoàn thành dự thảo trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký ban hành trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

- Căn cứ nội dung giao ban từng quý

của Bộ Quốc phòng: Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục: Hậu cần, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục II; các cục trực thuộc Bộ Quốc phòng: Cục Kinh tế, Cục Kế hoạch đầu tư, Cục Tài chính, Thanh tra Bộ Quốc phòng; các cục thuộc Bộ Tổng Tham mưu: Cục Tác chiến, Cục Quân lực, Cục Quân huấn, Cục Nhà trường, Cục Tác chiến điện tử, Cục Bản đồ, Cục Cơ yếu và các cơ quan, đơn vị liên quan, theo chức năng nhiệm vụ chuẩn bị nội dung đánh giá kết quả thực hiện công tác quốc phòng, quân sự ở các Bộ, ngành, cơ quan tổ chức, địa phương, công tác DQTV, GDQP và nội dung triển khai công tác của quý, 6 tháng, năm sau gửi cơ quan thường trực (Cục DQTV) để chuẩn bị nội dung giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng duy trì giao ban và kết luận tại phiên họp.

b) Giao ban của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức: Ban Chỉ huy Quân sự ở các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức giúp người đứng đầu các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức tổng hợp, chuẩn bị nội dung báo cáo trung tâm, chương trình, bảo đảm phục vụ hội nghị và triệu tập thành phần giao ban.

c) Giao ban của các cấp khác: Cơ quan quân sự địa phương các cấp phối hợp với các cơ quan cùng cấp có liên quan giúp người chỉ huy cấp mình tổng hợp, chuẩn bị nội dung báo cáo trung tâm, chương trình, bảo đảm phục vụ hội nghị và triệu tập thành phần giao ban.

d) Các thành phần giao ban theo quy định của từng cấp chuẩn bị nội dung để báo cáo, tham luận.

## 2. Trong giao ban:

a) Cơ quan Thường trực hoặc cơ quan quân sự giúp việc thông báo tình hình kết quả công tác tính từ sau cuộc giao ban trước.

b) Người chủ trì giao ban nghe báo cáo tình hình của đơn vị, các ý kiến, kiến nghị, đề đạt của các đơn vị thuộc quyền.

c) Người chủ trì kết luận và giải đáp các vướng mắc, kiến nghị của các đơn vị thuộc quyền.

## 3. Sau giao ban:

a) Cơ quan Thường trực hoặc cơ quan quân sự giúp việc giúp người chủ trì giao ban ra văn bản thông báo kết luận (trừ giao ban cấp xã) gửi cho các thành phần giao ban theo quy định của từng cấp và báo cáo lên cấp trên.

b) Cơ quan Thường trực hoặc cơ quan quân sự giúp việc ở từng cấp theo dõi, nắm kết quả tổ chức thực hiện của các đơn vị sau cuộc giao ban.

**Điều 7. Thời gian và địa điểm giao ban**

### 1. Thời gian giao ban:

a) Thời gian giao ban của Bộ Quốc phòng là một ngày

- Giao ban quý 1: từ 30/3 đến 07/4.
- Giao ban quý 2: từ 30/6 đến 07/7.
- Giao ban quý 3: từ 30/9 đến 10/10.
- Giao ban quý 4: từ 31/12 đến 07/01 năm sau.

b) Thời gian giao ban của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức là 1/2 ngày đến một ngày

- Giao ban quý 1: từ 24/3 đến 29/3.
- Giao ban quý 2: từ 24/6 đến 29/6.
- Giao ban quý 3: từ 24/9 đến 29/9.
- Giao ban quý 4: từ 24/12 đến 29/12.

c) Thời gian giao ban cấp quân khu là một ngày

- Giao ban 6 tháng đầu năm: 28/6 đến 05/7.
- Giao ban 6 tháng cuối năm: 28/12 đến 05/01 năm sau.

d) Thời gian giao ban của Quân chủng Hải quân: thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

e) Thời gian giao ban của Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng, các binh chủng, cơ quan, đơn vị khác được vận dụng giao ban theo quý hoặc 6 tháng như quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

f) Thời gian giao ban cấp tỉnh đội thực hiện như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

g) Thời gian giao ban cấp huyện đội: 1/2 ngày, từ ngày 20 đến ngày 24 hàng tháng.

h) Thời gian giao ban cấp xã đội: 1/2 ngày, được thực hiện vào 1 ngày trong tuần.

### 2. Địa điểm giao ban:

Địa điểm giao ban do từng cơ quan, đơn vị, địa phương quy định.



*Chương III***CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DQTV, GDQP****Điều 8. Chế độ báo cáo**

1. Báo cáo công tác quốc phòng, DQTV, GDQP phải đủ nội dung, đánh giá đúng tình hình kết quả công tác và đúng thời gian quy định.

2. Người đứng đầu các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, địa phương có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thực hiện chế độ báo cáo công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

**3. Chế độ báo cáo gồm:**

a) Chế độ báo cáo thường xuyên hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm.

b) Báo cáo đột xuất: được thực hiện theo yêu cầu của thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu hoặc cơ quan quân sự cấp trên khi có yêu cầu đột xuất về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh để có giải pháp, biện pháp chỉ đạo, xử lý kịp thời.

c) Báo cáo chuyên đề: về một nhiệm vụ, một nội dung công tác được giao hoặc một nội dung mang tính chất chuyên ngành.

**Điều 9. Phân cấp báo cáo công tác quốc phòng, DQTV, GDQP**

1. Xã đội, Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan, tổ chức trực thuộc huyện đội báo cáo huyện đội và Chủ tịch UBND xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

2. Huyện đội, Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh đội có trách nhiệm báo cáo tỉnh đội, Chủ tịch UBND huyện, người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

3. UBND cấp tỉnh chỉ đạo tỉnh đội tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu và Bộ Quốc phòng (qua cơ quan Thường trực của Bộ Quốc phòng).

4. Bộ Tư lệnh các quân khu, quân chủng, Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng tổng hợp báo cáo Bộ quốc phòng (qua cơ quan Thường trực công tác quốc phòng của Bộ Quốc phòng).

5. Ban Chỉ huy quân sự các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền báo cáo cơ quan quân sự địa phương nơi đứng chân và Ban Chỉ huy quân sự Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức mình; đồng thời tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng (qua cơ quan Thường trực của Bộ Quốc phòng) và người đứng đầu bộ, ngành, cơ quan, tổ chức.

6. Cơ quan Thường trực công tác quốc phòng của Bộ Quốc phòng có trách nhiệm giúp Bộ Quốc phòng tổng hợp để Bộ Quốc phòng báo cáo Chính phủ.

Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các tổng cục: Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục II; các cục trực thuộc Bộ Quốc phòng: Cục Kinh tế, Cục Kế hoạch đầu tư, Cục Tài chính, Thanh tra Bộ Quốc phòng; các cục: Tác chiến, Cục Quân lực, Cục Quân huấn, Cục Tác chiến điện tử, Cục Nhà trường, Cục Bản

đồ, Cục Cơ yếu và các cơ quan, đơn vị có liên quan, theo chức năng nhiệm vụ được phân công về tình hình chung công tác quốc phòng ở bộ, ngành, cơ quan tổ chức, công tác DQTV, GDQP báo cáo Bộ Quốc phòng qua cơ quan thường trực.

### **Điều 10. Nội dung báo cáo**

1. Nội dung báo cáo ngày, báo cáo tuần chủ yếu nêu tình hình trong ngày, trong tuần.

2. Nội dung báo cáo thường xuyên công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng hàng tháng, quý, năm gồm:

a) Đặc điểm tình hình có liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự (nêu khái quát).

b) Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo:

- Tổ chức quán triệt các văn bản của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng và cấp trên.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn.

c) Kết quả tổ chức thực hiện (có số liệu cụ thể) về:

- Công tác GDQP.

- Xây dựng khu vực phòng thủ; kết hợp xây dựng và phát triển kinh tế.

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương:

- Bảo đảm hậu cần tại chỗ, bảo đảm ngân sách quốc phòng cho công tác quốc phòng, quân sự các bộ, ngành, cơ quan tổ

chức, địa phương và chính sách hậu phương quân đội.

- Thực hiện các chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự.

d) Đánh giá chung về ưu, khuyết điểm và nguyên nhân trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mặt công tác quốc phòng, quân sự, DQTV và GDQP.

e) Phương hướng nhiệm vụ tiếp theo.

f) Những ý kiến đề xuất, kiến nghị.

3. Nội dung báo cáo đột xuất công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng, gồm:

a) Tóm tắt diễn biến sự việc, sự kiện, mức độ, hậu quả sự việc, sự kiện và nguyên nhân.

b) Những biện pháp đã áp dụng, xử lý; kết quả nội dung đã đạt được và các kiến nghị, đề xuất với cấp trên.

c) Báo cáo đột xuất phải được gửi đến cấp trên bằng phương tiện nhanh nhất.

**Điều 11. Thời gian và phương pháp báo cáo**

### **1. Thời gian báo cáo:**

a) Báo cáo hàng ngày: từ 16 giờ ngày hôm trước đến 16 giờ ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ được gộp vào báo cáo ngày làm việc tiếp theo.

b) Báo cáo tuần: từ thứ sáu tuần trước đến hết thứ năm tuần sau.

c) Báo cáo tháng: được thực hiện với tất cả các tháng 1, tháng 2, tháng 4, tháng 5,



tháng 7, tháng 11. Tình hình các tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 được tổng hợp vào báo cáo quý, 6 tháng hoặc năm.

Báo cáo tháng tính từ ngày 20 tháng trước đến 20 tháng sau và chậm nhất ngày 25 hàng tháng phải có báo cáo gửi lên cấp được nhận báo cáo.

d) Báo cáo quý: được thực hiện vào quý 1, quý 3; quý 2 được tổng hợp vào báo cáo 6 tháng đầu năm, quý 4 được tổng hợp vào báo cáo năm.

Báo cáo quý 1 tính từ 20/12 năm trước đến 20/3 năm sau gửi trước ngày 25/3, báo cáo quý 3 tính từ 20/6 đến 20/9 trước ngày 25/9.

e) Báo cáo 6 tháng đầu năm: được tính từ 20 tháng 12 năm trước đến 20 tháng 5 năm sau và dự kiến kết quả đến 20/6 của năm, gửi báo cáo trước ngày 25/5.

f) Báo cáo năm: được tính từ 20/12 năm trước đến 20/11 năm sau và dự kiến kết quả đến 20/12 của năm để tổng hợp vào kết quả cả năm, báo cáo trước ngày 25/11.

g) Báo cáo chuyên đề do cấp có thẩm quyền quy định thời gian báo cáo.

## 2. Phương pháp báo cáo:

a) Báo cáo phải gửi đến người chỉ huy và cơ quan quân sự cấp trên bằng biện pháp, phương tiện nhanh nhất.

b) Báo cáo gửi lên Bộ Quốc phòng qua cơ quan Thường trực công tác quốc phòng (Cục DQTV).

c) Chế độ báo cáo thường xuyên: được thực hiện trình tự từ cấp dưới lên cấp trên trên theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Quy chế này.

- Báo cáo hàng ngày, hàng tuần do thủ trưởng đơn vị, cơ quan, tổ chức trực tiếp ký hoặc phân công cho cán bộ, cơ quan chuyên trách theo dõi, tổng hợp.

- Báo cáo thường xuyên hàng tháng, hàng quý, 6 tháng và báo cáo năm được thể hiện bằng văn bản, do thủ trưởng, người đứng đầu các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ký chịu trách nhiệm.

d) Báo cáo phải theo trình tự từ cấp dưới lên cấp trên, khi có yêu cầu hoặc quy định của cấp trên thì thực hiện báo cáo vượt cấp.

e) Báo cáo đột xuất: kết hợp báo cáo bằng văn bản và báo cáo trực tiếp hoặc qua phương tiện thông tin liên lạc.

f) Báo cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề có thể được thực hiện báo cáo vượt 2 cấp hoặc nhiều cấp theo yêu cầu của thủ trưởng cấp trên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Khi báo cáo vượt cấp thì ngay sau đó người chỉ huy hoặc cơ quan được chỉ định báo cáo phải báo cáo cho người chỉ huy và cơ quan quân sự cấp trên trực tiếp biết.

## Chương IV

### CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DQTV, GDQP

#### Điều 12. Chế độ kiểm tra

1. Cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, cơ quan quân sự các cấp có trách nhiệm giúp Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, người đứng đầu các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, UBND các cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra hàng năm và từng thời kỳ, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chính phủ, cơ quan quân sự cấp trên, UBND cấp mình về chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra. Việc thực hiện công tác quốc phòng, quân sự của các cơ quan, tổ chức, địa phương thuộc quyền.

## 2. Chế độ kiểm tra gồm:

a) Kiểm tra thường xuyên hàng tháng, quý, 6 tháng và hàng năm.

b) Kiểm tra đột xuất thực hiện theo yêu cầu nhiệm vụ đột xuất của người đứng đầu hoặc cơ quan nghiệp vụ cấp trên.

## Điều 13. Đối tượng kiểm tra

1. UBND xã và xã đội; các phân đội dân quân và cán bộ, chiến sỹ dân quân của xã.

2. UBND huyện, huyện đội, các đơn vị thuộc huyện đội, Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện; Ban Chỉ huy quân sự các cơ quan, tổ chức; các trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

3. UBND tỉnh, tỉnh đội, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh đội, trường Chính trị tỉnh; Ban Chỉ huy quân sự các sở, ngành, cơ quan tổ chức của tỉnh; các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; các trường

trung học phổ thông của tỉnh và các trung tâm GDQP.

4. Bộ Tư lệnh các quân khu, Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng; các quân chủng; các học viện, nhà trường; các đoàn kinh tế quốc phòng và các doanh nghiệp quốc phòng.

5. Ban Chỉ huy quân sự các bộ, ngành, cơ quan tổ chức và các đơn vị tự vệ trực thuộc Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức ở Trung ương.

## Điều 14. Nội dung kiểm tra

1. Việc ban hành các văn bản, hướng dẫn và thông tin tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quốc phòng, quân sự, DQTV, GDQP.

2. Kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác GDQP cho cán bộ, công chức, và nhân dân thuộc quản lý của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và địa phương; phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị quân đội thực hiện GDQP, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ công chức theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh của bộ ngành, cơ quan, tổ chức, địa phương; xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ động viên, tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đáp ứng yêu cầu bảo vệ tổ quốc.

4. Xây dựng khu vực phòng thủ góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân; xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.



5. Xây dựng, huấn luyện, diễn tập và chỉ đạo hoạt động sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương (bộ đội địa phương, DQTV và lực lượng DBĐV).

6. Việc thực hiện chế độ giao ban, thông báo tình hình, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự và công tác DQTV, GDQP.

7. Bảo đảm ngân sách cho công tác quân sự, quốc phòng, DQTV, GDQP và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

#### **Điều 15.** Phạm vi tổ chức kiểm tra

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tổ chức kiểm tra công tác quốc phòng và công tác DQTV, GDQP đối với tất cả các đối tượng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng đã được Chính phủ quy định.

2. Tư lệnh quân khu tổ chức kiểm tra công tác quốc phòng, DQTV, GDQP đối với các địa phương và các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của quân khu.

Tư lệnh bộ đội Biên phòng, quân chủng, binh chủng chỉ đạo đơn vị thuộc quyền phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng và cơ quan quân sự địa phương các cấp tổ chức kiểm tra công tác quốc phòng, quân sự, công tác DQTV, GDQP.

3. Người đứng đầu các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức chỉ đạo tổ chức kiểm tra

công tác quốc phòng, quân sự đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền. Khi kiểm tra cần thông báo cho địa phương nơi cơ quan, đơn vị đứng chân để cùng phối hợp thực hiện.

4. Chủ tịch UBND các cấp chỉ đạo tổ chức kiểm tra công tác quốc phòng địa phương đối với các cơ quan, tổ chức và các đơn vị lực lượng vũ trang địa phương thuộc phạm vi quản lý Nhà nước.

5. Việc tổ chức kiểm tra đột xuất hoặc kiểm tra theo từng chuyên ngành, chuyên đề của cơ quan quân sự các cấp và Ban Chỉ huy quân sự các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức do từng cơ quan, đơn vị xác định cơ cấu, thành phần, nội dung, thẩm quyền kiểm tra theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, lĩnh vực và phải được thủ trưởng hoặc người đứng đầu hoặc người chỉ huy cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch kiểm tra.

**Điều 16.** Tổ chức, cơ cấu thành phần đoàn kiểm tra của các cấp

Việc tổ chức thành lập đoàn kiểm tra và cơ quan giúp việc cho đoàn kiểm tra công tác quốc phòng, công tác DQTV, GDQP của cấp nào do người đứng đầu cấp đó ra quyết định thành lập.

#### **1. Đoàn kiểm tra của Bộ Quốc phòng:**

a) Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu thành phần đoàn kiểm tra, gồm:

- Thủ trưởng Bộ Quốc phòng làm Trưởng đoàn kiểm tra.

- Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu và Thủ trưởng các Tổng cục: Chính trị, Tổng Cục Hậu cần, Tổng Cục Kỹ thuật, Tổng Cục Công nghiệp quốc phòng có liên quan đến cuộc kiểm tra làm Phó Trưởng đoàn.

- Thủ trưởng cơ quan Thường trực công tác quốc phòng và đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, các Tổng cục của Bộ Quốc phòng là thành viên đoàn kiểm tra. Các thành viên đoàn kiểm tra phải có chức danh tương đương cấp phòng trở lên.

- Số lượng đoàn kiểm tra tùy theo tính chất của đợt kiểm tra để trưởng đoàn đề nghị, gồm: trưởng đoàn, các phó trưởng đoàn, ủy viên và thư ký.

c) Tổng Tham mưu trưởng được Bộ Quốc phòng ủy quyền ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra trong một số trường hợp sau:

- Kiểm tra khi có yêu cầu đột xuất về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu.

- Kiểm tra theo từng lĩnh vực chuyên ngành trong phạm vi chức năng Bộ Quốc phòng giao.

- Số lượng đoàn kiểm tra do trưởng đoàn đề nghị, gồm: trưởng đoàn, các phó trưởng đoàn, các ủy viên và thư ký.

## **2. Đoàn kiểm tra cấp quân khu:**

a) Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Tư lệnh quân khu ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu thành phần, gồm:

- Thủ trưởng Bộ Tư lệnh quân khu làm trưởng đoàn.

- Thủ trưởng Bộ Tham mưu quân khu và Thủ trưởng các Cục: Chính trị, Cục Hậu cần, Cục Kỹ thuật có liên quan đến kiểm tra làm phó trưởng đoàn.

- Trưởng phòng DQTV và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tham mưu, Cục Chính trị, Cục Hậu cần, Cục Kỹ thuật làm ủy viên.

c) Số lượng đoàn kiểm tra do trưởng đoàn đề nghị, gồm: trưởng đoàn, các phó trưởng đoàn, các ủy viên và thư ký.

## **3. Đoàn kiểm tra cấp tỉnh:**

a) Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu, thành phần, gồm:

- Lãnh đạo UBND tỉnh làm trưởng đoàn.

- Thủ trưởng tỉnh đội làm phó trưởng đoàn.

- Lãnh đạo các sở, ban ngành có liên quan thuộc tỉnh; Thủ trưởng các Phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật thuộc tỉnh đội; Trưởng Ban DQTV và đại diện các cơ quan của tỉnh đội.

c) Số lượng đoàn kiểm tra do trưởng



đoàn đề nghị, gồm: trưởng đoàn, các phó trưởng đoàn, các ủy viên và thư ký.

#### 4. Đoàn kiểm tra cấp huyện:

a) Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND huyện ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu thành phần gồm:

- Lãnh đạo UBND huyện làm trưởng đoàn.

- Huyện đội trưởng làm phó trưởng đoàn.

- Lãnh đạo các phòng, ban liên quan của huyện; đại diện các Ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần - Kỹ thuật và trợ lý DQTV thuộc huyện đội.

c) Số lượng đoàn kiểm tra do trưởng đoàn đề nghị, gồm: trưởng đoàn, phó đoàn, các ủy viên và thư ký.

#### 5. Đoàn kiểm tra cấp xã:

a) Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND xã ra quyết định thành lập.

b) Cơ cấu thành phần, gồm:

- Lãnh đạo UBND xã làm trưởng đoàn.

- Xã đội trưởng làm phó trưởng đoàn.

- Đại diện một số ngành, đoàn thể của xã.

c) Số lượng đoàn kiểm tra từ 5 đến 9 đồng chí, gồm: trưởng đoàn, phó trưởng đoàn, các ủy viên và thư ký.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị làm Trưởng

đoàn, các thành viên là đại diện có thẩm quyền của các cơ quan có liên quan.

**Điều 17.** Nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của đoàn kiểm tra

#### 1. Nhiệm vụ của đoàn kiểm tra:

a) Chuẩn bị kế hoạch kiểm tra, các nội dung và công tác bảo đảm cho kiểm tra. Thông báo kế hoạch, chương trình cho đối tượng kiểm tra.

b) Yêu cầu thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu bộ, ngành, cơ quan tổ chức thuộc đối tượng kiểm tra báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác quốc phòng, DQTV, GDQP theo kế hoạch kiểm tra.

c) Chất vấn các đối tượng được kiểm tra và thực hiện kiểm tra các nội dung về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP theo chương trình và kế hoạch kiểm tra.

d) Xử lý những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình kiểm tra theo thẩm quyền kiểm tra.

e) Đánh giá các nội dung đã kiểm tra, tổng hợp nhận xét, kết luận và kiến nghị những biện pháp khắc phục tồn tại, thiếu sót với đối tượng kiểm tra.

f) Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra với thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương ra quyết định kiểm tra và thông báo cho đối tượng kiểm tra.

#### 2. Nguyên tắc làm việc của đoàn kiểm tra:

a) Dân chủ công khai, đúng quy định

với các văn bản pháp lý, không gây cản trở đến hoạt động của đối tượng được kiểm tra. Đề cao trách nhiệm của từng thành viên của đoàn kiểm tra. Biên bản kết luận rõ ràng, phản ánh trung thực, khách quan ý kiến của các thành viên trong đoàn.

b) Kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, có kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê chuẩn. Các trường hợp kiểm tra đột xuất phải có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

**Điều 18.** Phương pháp, trình tự làm việc của đoàn kiểm tra

### 1. Công tác chuẩn bị kiểm tra:

a) Xây dựng chỉ thị, kế hoạch, nội dung, phương pháp kiểm tra; quy tắc kiểm tra và các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra.

b) Quán triệt chỉ thị, kế hoạch, nội dung, phương pháp, quy chế, quy tắc và nhiệm vụ kiểm tra cho các thành viên của đoàn kiểm tra.

c) Thông báo kế hoạch kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra.

### 2. Thực hành kiểm tra:

a) Phổ biến chỉ thị, kế hoạch kiểm tra cho đối tượng được kiểm tra.

b) Thủ trưởng đơn vị, cơ quan, tổ chức, địa phương được kiểm tra báo cáo nội dung kiểm tra với đoàn kiểm tra.

c) Thực hành kiểm tra từng nội dung theo kế hoạch kiểm tra đã được phê chuẩn.

### 3. Tổng hợp đánh giá kết quả kiểm tra:

a) Tổng hợp đánh giá kết quả mạnh, yếu, chấm điểm từng nội dung được kiểm tra và tổng hợp đánh giá kết quả chung.

b) Trưởng đoàn nhận xét, kết luận và chỉ thị hoặc kiến nghị các biện pháp khắc phục thiếu sót, khuyết điểm để nâng cao chất lượng công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

c) Hoàn thiện văn bản kết luận kiểm tra; thông báo kết quả kiểm tra cho đơn vị, cơ quan, tổ chức được kiểm tra và báo cáo lên cấp trên theo quy định.

### 4. Phương pháp tính thành tích:

a) Đánh giá thành tích bằng chấm điểm theo từng nội dung kiểm tra và được tính theo thang điểm 10, lấy thành tích đến 2 số thập phân. Từng nội dung có thể phân ra từng việc cụ thể để chấm điểm, đánh giá.

b) Thành tích chung là điểm trung bình cộng của các nội dung được kiểm tra.

c) Cách tính thành tích:

- Xuất sắc: từ 9 điểm trở lên.

- Giỏi: từ 8 điểm đến cận 9 điểm.

- Khá: từ 6,6 điểm đến cận 8 điểm.

- Đạt yêu cầu: từ 5 điểm đến cận 6,6 điểm.

- Yếu (không đạt): dưới 5 điểm.

**Điều 19.** Nhiệm vụ của đối tượng được kiểm tra

1. Quán triệt chỉ thị, kế hoạch kiểm tra.



2. Phổ biến cho cơ quan, các đơn vị cấp dưới thuộc quyền.

3. Tiến hành mọi công tác chuẩn bị cho kiểm tra, chuẩn bị đầy đủ báo cáo, các loại văn bản, tài liệu; chuẩn bị lực lượng theo yêu cầu của công tác kiểm tra. Chuẩn bị các mặt bảo đảm phục vụ cho công tác kiểm tra theo quy định.

4. Thực hiện các nội dung kiểm tra theo kế hoạch của đoàn kiểm tra.

5. Tổ chức rút kinh nghiệm, xác định các biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót, khuyết điểm và báo cáo cấp trên.

#### **Điều 20.** Thời điểm kiểm tra

1. Kiểm tra thực hiện công tác 6 tháng đầu năm: vào trước tháng 7 hàng năm.

2. Kiểm tra thực hiện công tác năm: vào trước tháng 12 hàng năm.

3. Khi kiểm tra đột xuất:

a) Đối với các bộ ngành, cơ quan, tổ chức và các địa phương sẽ thông báo trước từ 5 đến 7 ngày.

b) Đối với cơ quan quân sự các cấp thông báo trước từ 1 đến 2 ngày.

### *Chương V*

## CHẾ ĐỘ SƠ KẾT, TỔNG KẾT CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DQTV, GDQP

**Điều 21.** Quy định chế độ sơ kết, tổng kết

1. Sơ kết, tổng kết được tiến hành ở các cấp; do thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và các địa phương thực hiện.

2. Tư lệnh các quân khu, quân chủng, binh chủng; Thủ trưởng các Bộ, ngành; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức và Chủ tịch UBND các cấp tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổ chức sơ kết, tổng kết năm.

3. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết từng mặt công tác theo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng trong từng thời kỳ thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng hoặc Chính phủ.

#### **Điều 22.** Nội dung sơ kết, tổng kết

1. Đánh giá tình hình liên quan đến công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

2. Đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân khách quan, chủ quan; rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

3. Phương hướng, nội dung biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng, DQTV, GDQP trong thời gian tới.

4. Đề xuất các chủ trương, biện pháp tiếp theo và các chính sách cụ thể thực hiện công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

#### **Điều 23.** Thời gian và phương pháp

##### **1. Thời gian:**

a) Sơ kết 6 tháng đầu năm công tác

quốc phòng, quân sự, công tác DQTV, GDQP thời gian là 1/2 ngày đến một ngày, từ ngày 15/6 đến ngày 15/7; thời gian tổng kết hàng năm là một ngày, từ ngày 15/11 đến trước ngày 30/12. Trường hợp tiến hành sớm hoặc muộn hơn phải báo cáo người chỉ huy cơ quan quân sự cấp trên trực tiếp.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, các bộ, ngành, cơ quan tổ chức, các quân khu, quân chủng và các địa phương có thể kết hợp giao ban quý 2 với sơ kết 6 tháng đầu năm; Giao ban quý 4 kết hợp với tổng kết năm về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

b) Bộ Quốc phòng định kỳ 2 năm một lần giúp Chính phủ tổ chức sơ kết tổng kết công tác quốc phòng theo Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ.

c) Sơ kết, tổng kết từng mặt công tác quân sự, quốc phòng theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng do Chính phủ hoặc Bộ Quốc phòng quy định.

## 2. Phương pháp:

Tổ chức hội nghị cán bộ để tiến hành sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự, công tác DQTV, GDQP theo từng cấp (đối với cấp xã có thể kết hợp với sơ kết, tổng kết hàng năm của UBND xã).

## Chương VI

### BẢO ĐẢM KINH PHÍ

**Điều 24.** Kinh phí bảo đảm cho giao ban, báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP của các bộ ngành và các địa phương do ngân sách Bộ, ngành, địa phương bảo đảm theo quy định tại khoản 14 Điều 29; khoản 8 Điều 30 Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh DQTV; Điều 16, 17 Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ.

**Điều 25.** Kinh phí tổ chức giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP của Bộ Quốc phòng, quân khu, quân chủng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo Nghị định số 10/2004/NĐ-CP ngày 07/1/2004 của Chính phủ Quy định về quản lý, sử dụng ngân sách đối với một số hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; Điều 28 Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ./.

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Đại tướng **Phạm Văn Trà**